

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG HUNG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG HUNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG PHAT DESIGN AND CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUNG PHAT DESIGN AND CONSTRUCTION INVESTMENT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108785508

**3. Ngày thành lập:** 14/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 139, đường Nguyễn Đức Thuận, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968711782

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                  | 1610     |
| 2.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                               | 1621     |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>Chi tiết: - Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng, cụ thể: Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có hay không các phụ kiện bằng kim loại như bản lề, khoá...;<br>Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân). | 1622     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ                                                                                                                                                                                   | 2220     |
| 5.  | Đúc kim loại màu<br>Chi tiết: Khuôn sản phẩm sơ chế từ nhôm                                                                                                                                                                                                                     | 2432     |
| 6.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết: Sản xuất cửa nhôm                                                                                                                                                                                                                   | 2511     |
| 7.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                | 2591     |
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                    | 2592     |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...                                                                                                                                                              | 2599     |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101     |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                               | 4229     |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                        | 4291     |

|     |                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                             | 4321        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                             | 4322        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                    | 4329        |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                    | 4330        |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                               | 4390        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                     | 4659        |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không bao gồm kinh doanh vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                             | 4662        |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn của nhôm kính                                                       | 4663(Chính) |
| 22. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm kinh doanh)                                                                                           | 4690        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4752        |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                               | 7110        |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                    | 7410        |
| 26. | Đại lý du lịch                                                                                                                                    | 7911        |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                             | 7912        |
| 28. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                               | 7990        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                         | 5510        |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                  | 5610        |
| 31. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                          | 5621        |
| 32. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                              | 5629        |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                           | 5630        |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 6820        |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN TÚ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/10/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035082002294

Ngày cấp: 03/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P204-CT8C, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P204-CT8C, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035082002294

Ngày cấp: 03/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P204-CT8C, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P204-CT8C, khu đô thị Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội